

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 05 THÁNG 09 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						348 041	98 078	249 963			
I		CẢNG CHÍNH						75 148	15 725	59 423			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						19 913	15 725	4 188			
1		THAN SÔNG HỒNG	03/09	1077/09	15/09	BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040	571	469	DỖ		
2		THAN MIỀN NAM	29/08	1201/08		VIỆT THUẬN QN-02	CÁM 5A.1	5 950	5 839	111	DỖ		
3		THAN MIỀN NAM	03/09	1220/09		VINACOMIN CP	CỤC 4A.2	2 700	1 514	1 186	DỖ	TD	
							CÁM 5A.1	5 700	3 310	2 390	DỖ		
4		KDT HẢI PHÒNG	30/08	1204/08		BN 2638	CÁM 5A.1	1 923	1 906	17	04/09	PTCB	
5		CATALAN	03/09	1222/08		BN 1589	CỤC 5A.1	1 600	1 597	3	04/09		
6		THAN UÔNG BÍ	04/09	1225-B/09	19/09	BN 1718	CÁM 1	1 000	988	12	04/09	TD	
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						55 235		55 235			
1		THAN SÔNG HỒNG	01/08	977/06	10/08	BN 2006	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040			GIA HẠN L3
2		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CÁM 5A.1	8 750		8 750			
3		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CÁM 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
4		XD CN MỎ	01/07	991-B/06	08/07	BN 1835	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
5		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cám 4b.1	1 200		1 200		TD	
6		KDT BẮC THÁI	29/07	1028/06	31/07	HD 2099	CÁM 1	1 980		1 980		TD	GIA HẠN L1
7		KDT BẮC THÁI	29/07	1029/06	31/07	BN 1869	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
8		KDT BẮC THÁI	29/07	1030/06	31/07	BN 2508	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
9		KDT HÀ BẮC	30/06	1047/06		BN 2168	CÁM 5A.1	1 000		1 000		PTCB	
10		THẮNG LỢI 6668	18/07	1092/07		THẮNG LỢI 6668	CÁM 6A.14	5 000		5 000			
11		KDT BẮC THÁI		1128/07		BN 1111	CÁM 1	1 986		1 986		TD	
12		KDT BẮC THÁI	30/08	1129/07	31/08	BN 2033	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
13		KDT BẮC THÁI	30/08	1130/07	31/08	BN 2276	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
14		KDT BẮC THÁI	31/07	1134/07		BN 1368	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
15		KDT MIỀN BẮC	01/08	1138/07	16/08	BN 2699	CÁM 1	1 900		1 900		TD	GIA HẠN L1
16		DVVT QUẢNG NINH	13/08	1139-B/08	31/08	BN 0766	CỤC XỎ 1C	1 200		1 200		TD	THAY TBGT SỐ 1139/8 NGÀY 01/8/2025
17		DVVT QUẢNG NINH	01/08	1140/08	16/08	BN 2635	CỤC XỎ 1C	900		900		TD	
18		ĐT TMDV VINACOMIN	01/08	1141/08	16/08	2 518	CỤC XỎ 1C	1 030		1 030		TD	
19		ĐT TMDV VINACOMIN	01/08	1142/08	16/08	BN 1348	CỤC XỎ 1C	993		993		TD	
20		CP HÀNG HẢI VN	02/08	1445/08	15/08	BN 2006	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	
21		SÔNG HỒNG	20/08	1146/08	31/08	BN 1809	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
22		KDT BẮC THÁI	06/08	1158/08		BN 0746	CÁM 1	900		900		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 05 THÁNG 09 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
23		KDT CẦU ĐUÔNG	14/08	1177/08		BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
24		CẦU ĐUÔNG	15/08	1181/08		BN 1758	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
25		KDT HÀ BẮC	19/08	1186/08		BN 0935	CÁM 6A.1	1 170		1 170		PTCB	
26		THAN SÔNG HỒNG	20/08	1187/08		BN 1799	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
27		KDT BẮC THÁI	22/08	1196/08		BN 1158	CÁM 1	850		850		TD	
28		KDT BẮC THÁI	26/08	1998/08		BN 2022	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
30		KDT BẮC THÁI	30/08	1205/08		NB 8011	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	
31		KDT BẮC THÁI	30/08	1206/08		BN 1363	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
32		KDT BẮC THÁI	30/08	1207/08		NB 8111	CÁM 1	1 986		1 986		TD	
33		KDT HÀ BẮC	31/08	1209/08		BN 2168	CÁM 6A.1	1 500		1 500		PTCB	
34		DT TM DV	01/09	1215/09		BN 1336	CỤC XỎ 1C	1 020		1 020		TD	
35		DVVT QUẢNG NINH	03/09	1217/09		BN 1816	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
36		DVVT QUẢNG NINH	03/09	1218/09		BN 1348	CỤC XỎ 1C	990		990		TD	
38		DT TM DV	03/09	1221/08		BN 1309	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	
		DVVT QUẢNG NINH	04/09	1226/09	19/09	BN 1809	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
		DVVT QUẢNG NINH	04/09	1229/09	19/09	BN 1879	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
		Tàu chuyển tải						214 050	68 762	145 288			
		Tàu đang làm hàng						104 950	68 762	36 188			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	11/08	1171/08		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	47 000	47 134	- 134	04/09	KVCP: 17.119,2 - TTHG:30.015	
2		ĐIỆN VĨNH TÂN	01/09	1210/08		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 6A.14	29 200	19 230	9 970	ĐỎ	TTCO: 19.230,26 - CLM:10.000	
3		ĐIỆN VĨNH TÂN	01/09	1212/09		HẢI NAM 39	CÁM 6A.10	28 750	2 398	26 352	ĐỎ	KDT CP: 13.000 - CLM: 5.000 - KVCP:10.750	
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						109 100		109 100			
1		THAN MIỀN NAM	15/07	1087/07		VIỆT THUẬN 095-01	CÁM 5A.1	4 500		4 500			
								4 100		4 100			
2		ĐIỆN VĨNH TÂN	01/09	1211/09		HẢI NAM 79	CÁM 6A.10	27 400		27 400		KDT CP:9.000 - CLM:15.000 - KVCP:3.400	
4		ĐIỆN DUYÊN HẢI	01/09	1213/09		VIỆT THUẬN 075-01	CÁM 6A.14	7 300		7 300			
5		ĐIỆN VŨNG ÁNG	01/09	1214/09		STAR CITY	CÁM 5A.10	21 300		21 300			
6		ĐIỆN VŨNG ÁNG	03/09	1223/08		VIỆT THUẬN 169	CÁM 5A.10	19 000		19 000		CLM:10.000 - TTCO:9.000	
7		ĐIỆN DUYÊN HẢI	03/09	1224/08		VIỆ THUẬN 30-05	CÁM 5B.14	25 500		25 500		KDTCP:14.000 - TTHG:21.500	
		KHO G9-HÓA CHẤT						13 455	2 590	10 865			
		Tàu đã làm hàng						3 160	2 590	570			
1		COALIMEX	03/9	1133/8	15/9	BN - 2056	CÁM 8A	1 000	990	10	04/9	TD	
2		CP ĐTTM&DV	01/9	1156/8	15/9	BN - 1368	CỤC 1C	1 090	533	557	đỏ	TD	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 05 THÁNG 09 NĂM 2025

[illegible]

